

KINH CETANA SUTTA: CHỖ DỰNG LẬP Ý NIỆM

Nguyên Giác

Trong một số bài trước, chúng ta đã thấy Đức Phật trong vài kinh đã đưa ra một số giáo pháp ngắn gọn, để dạy một số chư tăng khi quý ngài bạch rằng tuổi đã cao, bây giờ cần một lời dạy để lui về một góc rừng u tịch tu hành khẩn cấp.

Trong đó có kinh Bahiya, dạy rằng "trong cái thấy chỉ là cái được thấy..." và du sĩ ngoại đạo Bahiya tức khắc đắc quả A La Hán. Pháp này trong thơ thiền Việt Nam là, quên hết các pháp và chỉ còn thấy trên đầu một chữ "Nhu"...

Hay như trong *Kinh Khemaka*, Đức Phật dạy y hệt *Kinh Kim Cang* là "ưng vô sở trụ... chớ trụ tâm vào đâu hết..."

Và rồi *Kinh Kalaka Sutta*, có thể gọi tắt là: thấy biết mà dựng lập thấy biết là rơi vào cội nguồn vô minh, và thấy biết mà không dựng lập thấy biết là hiện thân Niết Bàn. Và Đức Phật nói rằng *Kinh Kalaka Sutta* là dạy về pháp "Nhu" tối thượng, không pháp nào cao hơn.

Hôm nay, chúng ta thử suy nghĩ về lời dạy "vô tâm" hay "vô niệm" thường gặp trong Thiền Tông. Những khái niệm này có thể thấy nơi đâu trong Kinh Tạng Pali?

*

Chữ "vô niệm" thực ra có thể thấy man mác trong ba lối vào đạo đã nêu ở trên. Cũng y hệt như màu vàng, thí dụ, sẽ có "vàng nhạt" hay "vàng sậm" hơn một chút. Tâm của chúng ta cũng thế. Tùy mức độ tương ứng, có khi chỉ nhiều hơn, hay có khi quá nhiều hơn, và có khi chỉ quá đáng dụng. Nói theo Thiền Tông, cũng là không cần chỉ, không cần quán, tức thì tương ứng.

Hình ảnh chư Tổ Thiền Tông thường sử dụng là "trâu bùn qua sông" – vì trâu là tâm, và bùn sẽ tức khắc tan trong nước, và chỉ có vô tâm, vô niệm mới thoát được dòng sông sinh tử. Nhưng chớ làm cái gì cho thành vô hết, vì như thế là trên đầu lại chấp thêm đầu, vì khi nhìn kỹ vào tâm sẽ thấy tự nó là vô tâm rồi.

Hay hình ảnh khác, rằng tại sao con trâu chui được qua song cửa sổ cả đầu mình và cẳng chân, sao lại kẹt cái đuôi không qua được? Đơn giản, hễ còn thấy có trâu, thấy cho dù là một mảnh đuôi trâu, cũng không thể giải thoát. Đó là ý của vô tâm, vô niệm.

Như thế, nên nói gì về vô niệm?

Trong *Kinh Pháp Bảo Đàn*, nơi Phẩm Định Huệ, trong bản dịch của Hòa Thượng Thích Thanh Từ, có lời giải thích:

"...Vô tướng là đối với tướng mà lìa tướng; vô niệm là đối với niệm mà không niệm... Nay Thiện tri thức, đối trên các cảnh tâm không nhiễm gọi là vô niệm. Đối trên niệm thường lìa các cảnh, chẳng ở trên cảnh mà sanh tâm.." (1)

Một vị sư khác ở Sài Gòn, thường ký bút hiệu là Nguyễn Thế Đăng, trong bài viết tựa đề "Vô Niệm của Lục Tổ Huệ Năng," đã viết:

"Có điều chúng ta cần chú ý tâm vô niệm không có nghĩa là tâm không có những tư tưởng, mà đúng hơn là tâm không bị nhiễm ô, không bị chướng ngại bởi những tư tưởng. Vô tướng cũng thế. Vô tướng không phải là không có hình tướng nào cả, mà vô tướng là không bị nhiễm ô và không bị chướng ngại bởi những hình tướng. Vô trụ cũng không có nghĩa là không có gì cả, mà là tất cả mọi cái đang trụ đều không thể nhiễm ô hay chướng ngại nó. Tâm ấy vốn tự giải thoát là vậy." (2)

Câu hỏi nơi đây là: có kinh nào trong Tạng Pali nói tương tự như thế không?

*

Hôm nay, chúng ta thử khảo sát về *Kinh Tương Ứng 12.38*. Kinh này còn gọi là *Cetana Sutta*. Đúng ra, gọi là *Cetana 1*, vì có 3 kinh cùng mang tên này, nhưng ký hiệu khác.

Kinh này nói về một tiến trình của tâm, khi trở thành một căn bản (nền tảng, nền móng) để duy trì (hay tương tục, hay trường dưỡng) ý niệm — như thế sẽ dẫn tới một tái sinh tương lai, tức là sẽ lại chào đời, sẽ lại bệnh và tử, sẽ lại khổ... Tức là cội nguồn của khổ chính là khởi tâm, lên kế hoạch, nuôi dưỡng ý niệm.

Điểm lý thú nơi đây, là Kinh *Cetana Sutta* đưa ra hình ảnh gợi nhớ tới ngôn ngữ của các thiền sư Trung Hoa ưa nói rằng một kiếp này không phải là một thời lượng đời người trăm năm hay bảy mươi năm, nhưng chính là chúng ta tái sinh và đau khổ trong từng niệm, trong từng khoảnh khắc của tâm. Nghĩa là, chúng ta sinh và tử trong từng khoảnh khắc, theo giải thích này.

Vì kinh này ngắn, chỉ có ba đoạn văn, nơi đây, chúng ta sẽ dịch ba lần, theo ba bản Anh dịch của quý ngài Thanissaro Bhikkhu, Bodhi Bhikkhu, Maurice O'Connell Walshe. Kèm theo các đoạn Anh văn để độc giả theo dõi. Bởi vì, cả 3 bản Anh văn đều có vẻ đẹp ngôn ngữ riêng. Và sẽ chiếu sáng nhiều góc cạnh hơn, vì văn phạm tiếng Việt đôi khi mơ hồ hơn văn phạm tiếng Anh.

*

Sau đây là bản Anh dịch của ngài Thanissaro Bhikkhu. (3)
SN 12.38 PTS: S ii 65 CDB i 576
Cetana Sutta: Intention

Staying at Savatthi... [the Blessed One said,] *"What one intends, what one arranges, and what one obsesses about:[Note 1] This is a support for the stationing of consciousness. There being a support, there is a landing [or: an establishing] of consciousness. When that consciousness lands and grows, there is the production of renewed becoming in the future. When there is the production of renewed becoming in the future, there is future birth, aging & death, sorrow, lamentation, pain, distress, & despair. Such is the origination of this entire mass of suffering & stress.*

Cư ngụ tại Savatthi... [Đức Phật nói,] "Những gì mình có ý định, những gì mình sắp xếp, và những gì mình có khuynh hướng ẩn tàng ám ảnh về: [Xem ghi chú 1] Chính đó là nền tảng để an trụ ý niệm [Xem ghi chú 2]. Khi đã có nền tảng hỗ trợ, tất sẽ có dựng lập lên ý niệm. Khi ý niệm đó bám trụ và trường dưỡng, tất sẽ lại tái sinh trở lại trong tương lai. Khi tái sinh trở lại trong tương lai, sẽ có một kiếp tương lai sanh, già, bệnh và chết, buồn sầu, than khóc, đau đớn, khổ và tuyệt vọng. Đó là nguyên khởi của toàn bộ khổ đau khổ và căng thẳng.

Note 1: The seven obsessions are: the obsession of sensual passion, the obsession of resistance, the obsession of views, the obsession of uncertainty, the obsession of conceit, the obsession of passion for becoming, and the obsession of ignorance. See AN 7.12.

Ghi chú 1 (của ngài Thanissaro Bhikkhu): Nhóm 7 khuynh hướng ẩn tàng này là [trong tâm mình]: tham, sân, kiến, bất định (nghi ngờ), ngã mạn, tham hữu (muốn trở thành), và vô minh. Xem kinh AN 7.12.

Ghi chú 2 (của Nguyên Giác): Chữ **consciousness** thường được dịch là **ý thức**. Nhưng nơi đây nhiều lần nói về **establish** (dựng lập), **grow**, hay **come to grow** (trường dưỡng), nên nơi đây xin dịch là **ý niệm** cho sát nghĩa. Vì ý niệm là cái có thể thấy, có thể nhận ra. Trong khi ý thức là chưa thể thấy ra. Có lẽ, nếu dịch là nghiệp thức cũng có nghĩa gần như thế.

"If one doesn't intend and doesn't arrange, but one still obsesses [about something], this is a support for the stationing of consciousness. There being a support, there is a landing of consciousness. When that consciousness lands and grows, there is the production of renewed becoming in the future. When there is the production of renewed becoming in the future, there is future birth, aging & death, sorrow, lamentation, pain, distress, & despair. Such [too] is the origination of this entire mass of suffering & stress.

Nếu mình không có ý định, và không sắp xếp, nhưng nếu mình vẫn còn có khuynh hướng ẩn tàng ám ảnh [về điều gì] , đây cũng là nền tảng cho việc an trụ ý niệm. Khi có nền tảng hỗ trợ, tất sẽ có dựng lập ý niệm. Khi ý niệm đó bám trụ và trường dưỡng, tất sẽ lại tái sinh trở lại trong tương lai. Khi tái sinh trở lại trong tương lai, sẽ có một kiếp tương lai sanh, già, chết, buồn sầu, than khóc, đau đớn, khổ não và tuyệt vọng. Đó [cũng] là nguyên khởi của toàn bộ khổ đau khổ và căng thẳng.

"But when one doesn't intend, arrange, or obsess [about anything], there is no support for the stationing of consciousness. There being no support, there is no landing of consciousness. When that consciousness doesn't land & grow, there is no production of renewed becoming in the future. When there is no production of renewed becoming in the future, there is no future birth, aging & death, sorrow, lamentation, pain, distress, or despair. Such is the cessation of this entire mass of suffering & stress."

"Nhưng, khi mình không có ý định, không có sắp xếp, hay không có khuynh hướng ẩn tàng ám

ảnh [về bất cứ thứ gì], sẽ không có nền tảng hỗ trợ nào cho việc an trụ ý niệm. Không có nền tảng hỗ trợ, sẽ không có dựng lập ý niệm. Khi ý niệm đó không bám trụ được và không trường dưỡng được, sẽ không có chuyện tái sinh trở lại trong tương lai, và thế là sẽ không có tương lai kế tiếp sinh, già, chết, buồn sầu, than khóc, đau đớn, khổ não hay tuyệt vọng.

*

Sau đây là bản Anh dịch của Bodhi Bhikkhu. (4)

At Savatthi. "Bhikkhus, what one intends, and what one plans, and whatever one has a tendency towards: this becomes a basis for the maintenance of consciousness. When there is a basis there is a support for the establishing of consciousness. When consciousness is established and has come to growth, there is the production of future renewed existence. When there is the production of future renewed existence, future birth, aging-and-death, sorrow, lamentation, pain, displeasure, and despair come to be. Such is the origin of this whole mass of suffering.

Tại Savatthi, "Chư tăng, những gì mình có ý định, và những gì mình lên kế hoạch, và bất cứ những gì mình có khuynh hướng nghiêng về: điều này trở thành một nền tảng để duy trì ý niệm. Khi có một nền tảng, tất sẽ có sự hỗ trợ để dựng lập ý niệm. Khi ý niệm được dựng lập, và rồi trường dưỡng, tất sẽ sinh ra sự sinh tồn kế tiếp tương lai. Khi có việc sinh ra sự tái sinh tương lai, vậy là tương lai sẽ lại sinh ra, già đi và chết, buồn sầu, than khóc, đau đớn, khổ não và tuyệt vọng. Như thế là cội nguồn của toàn bộ mở đầu khổ này.

"If, bhikkhus, one does not intend, and one does not plan, but one still has a tendency towards something, this becomes a basis for the maintenance of consciousness. When there is a basis, there is a support for the establishing of consciousness.... Such is the origin of this whole mass of suffering.

"Chư tăng, nếu mình không có ý định, và nếu mình không lên kế hoạch, nhưng nếu mình vẫn có một khuynh hướng nghiêng về điều gì, điều này trở thành một nền tảng để duy trì ý niệm. Khi có một nền tảng, tất sẽ có sự hỗ trợ để dựng lập ý niệm... [lập lại, tương tự như đoạn trên]... Như thế là cội nguồn của toàn bộ mở đầu khổ này.

"But, bhikkhus, when one does not intend, and one does not plan, and one does not have a tendency towards anything, no basis exists for the maintenance of consciousness. When there is no basis, there is no support for the establishing of consciousness. When consciousness is unestablished and does not come to growth, there is no production of future renewed existence. When there is no production of future renewed existence, future birth, aging-and-death, sorrow, lamentation, pain, displeasure, and despair cease. Such is the cessation of this whole mass of suffering."

"Nhưng, chư tăng, khi mình không có ý định, và mình không lên kế hoạch, và mình không có khuynh hướng nghiêng về bất cứ gì, sẽ không có nền tảng nào để duy trì ý niệm. Khi không có nền tảng, tất sẽ không có sự hỗ trợ cho việc dựng lập ý niệm. Khi ý niệm không được dựng lập và không được trường dưỡng, sẽ không thể sinh ra cuộc sinh tồn kế tiếp tương lai. Khi không sinh ra cuộc sinh tồn kế tiếp tương lai, tất sẽ dứt bật mọi thứ sinh, già, chết, buồn, than khóc, đau đớn, khổ não và tuyệt vọng. Như thế là kết thúc toàn bộ mở đầu khổ này.

*

Sau đây là bản dịch của Maurice O'Connell Walshe. (5)

[At Saavatthii the Blessed One said:] *"Monks, what a man wills, what he plans, what he dwells on forms the basis for the continuation of consciousness. This basis being present, consciousness has a lodgment. Consciousness being lodged there and growing, rebirth of renewed existence takes place in the future, and from this renewed existence arise birth, decay-and-death, grief, lamentation, suffering, sorrow and despair. Such is the uprising of this entire mass of suffering.*

[Tại Saavatthi, Đức Phật nói:] "Chư tăng, những gì mình có ý định, những gì mình lên kế hoạch, những gì mình an trụ [tâm] vào, sẽ hình thành một nền tảng cho tương tục ý niệm. Khi nền tảng này hiện hữu, ý niệm có nơi an trú. Ý niệm được an trú nơi đó, và trường dưỡng, việc tái sinh cuộc sinh tồn lần nữa sẽ xảy ra trong tương lai, và từ cuộc sinh tồn lần nữa này, là sẽ lại sinh, già và chết, đau đớn, than khóc, khổ, buồn, và tuyệt vọng. Như thế là việc sinh khởi lên toàn bộ mở đầu khổ này.

"Even if a man does not will and plan, yet if he dwells on something this forms a basis for the continuation of consciousness:... rebirth... takes place..."

"Ngay cả nếu mình không có ý định, và không lên kế hoạch, nhưng nếu mình an trụ [tâm] vào điều gì đó, như thế sẽ hình thành một nền tảng cho tương tục ý niệm... tái sinh... xảy ra..."

"But if a man neither wills nor plans nor dwells on anything, no basis is formed for the continuation of consciousness. This basis being absent, consciousness has no lodgment. Consciousness not being lodged there and not growing, no rebirth of renewed existence takes place in the future, and so birth, decay-and-death, grief, lamentation, suffering, sorrow and despair are destroyed. Such is the cessation of this entire mass of suffering."

“Nhưng nếu mình không có ý định, cũng không lên kế hoạch, cũng không an trụ [tâm] vào bất cứ thứ gì, sẽ không có nền tảng nào được hình thành cho việc tương tục ý niệm. Khi nền tảng này vắng mặt, ý niệm không có nơi an trú và sẽ không trường dưỡng, sẽ không có tái sinh cho cuộc sinh tồn kế tiếp trong tương lai, và do vậy là phá hủy được sinh, già, chết, đau đớn, than khóc, khổ, buồn và tuyệt vọng. Như thế là kết thúc toàn bộ mở đầu khổ này.”

Chú Thích:

- (1) Xem: <http://thuongchieu.net/index.php/chuyende/kinhphapbaodan/3330-dinhhue>
- (2) Xem: <http://thuvienhoasen.org/a18917/vo-niem-cua-luc-to-hue-nang>
- (3) Xem: <http://www.accesstoinsight.org/tipitaka/sn/sn12/sn12.038.than.html>
- (4) Xem: <https://suttacentral.net/en/sn12.38>
- (5) Xem: <http://www.accesstoinsight.org/tipitaka/sn/sn12/sn12.038.wlsh.html>